

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI
CAO-VIỆN KIỂM SÁT
NHÂN DÂN TỐI CAO
Số: 03/TTLN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 1996

THÔNG TƯ LIÊN NGÀNH

Hướng dẫn áp dụng pháp luật theo nghị quyết của quốc hội
về việc thi hành bộ luật dân sự

Bộ luật dân sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được Quốc hội khoá IX, kỳ họp thứ tám, thông qua ngày 28/10/1995 và có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/1996. Đây là văn bản pháp luật lớn điều chỉnh các quan hệ dân sự trong phạm vi rộng. Kể từ ngày 1/7/1996 Bộ luật dân sự thay thế các văn bản pháp luật về dân sự đã được ban hành và có hiệu lực từ trước đến nay; ngoài ra có một số lĩnh vực hay một số quan hệ dân sự mà từ trước đến nay chưa có văn bản pháp luật nào điều chỉnh, nay Bộ luật dân sự đã có quy định bảo đảm một hệ thống các quy phạm pháp luật dân sự thống nhất, là cơ sở thuận lợi cho việc thi hành và áp dụng pháp luật.

Thực hiện Nghị quyết đã được Quốc hội khoá IX, kỳ họp thứ tám, thông qua ngày 28/10/1995 về việc thi hành Bộ luật dân sự (sau đây gọi tắt là Nghị quyết), Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao thống nhất hướng dẫn áp dụng các quy định của pháp luật dân sự trong việc giải quyết các tranh chấp dân sự như sau:

I. VỀ HIỆU LỰC CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ VÀ ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ ĐỂ GIẢI QUYẾT CÁC
TRANH CHẤP DÂN SỰ

1. Theo quy định tại khoản 1 Nghị quyết thì Bộ luật dân sự của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 28/10/1995 có hiệu lực từ ngày 1/7/1996.

Như vậy, kể từ ngày 1/7/1996 các quan hệ dân sự đều phải tuân theo các quy định của Bộ luật dân sự, do đó, đối với các tranh chấp phát sinh từ các giao dịch dân sự xác lập từ ngày 1/7/1996 phải áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự để giải quyết.

2. Theo Nghị quyết thì các quy định của Bộ luật dân sự cũng được áp dụng để giải quyết các tranh chấp phát sinh từ một số loại giao dịch dân sự xác lập trước ngày 1/7/1996, cụ thể là:

a) Điểm a khoản 3 Nghị quyết quy định là đối với các giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự có hiệu lực hiện vẫn đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, thì áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự; do đó, nếu có tranh chấp phát sinh từ những giao dịch dân sự loại này, phải áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự để giải quyết.

Ví dụ: Ngày 5/9/1995 A vay B 2.000.000 đồng với thời hạn vay là 1 năm, lãi suất là 1,2% một tháng. Khi vay, A cầm cố với B chiếc máy khâu của mình trị giá 4.500.000 đồng và việc cầm cố này được ghi rõ trong hợp đồng vay nợ, có xác nhận của Công chứng nhà nước. Ngày 10/5/1996 A lại vay B thêm 1.000.000 đồng với thời hạn vay là 1 năm, lãi suất 1,2% một tháng và cũng trên cơ sở cầm cố máy khâu theo lần vay thứ nhất. Hợp đồng vay nợ và cầm cố máy khâu lần này cũng có xác nhận của Công chứng nhà nước. Từ tháng 5/1996 A không trả lãi cho B như đã thoả thuận trong hai hợp đồng vay nợ nói trên. Giả sử, đến ngày 5/9/1996 là hạn trả khoản nợ 2.000.000 đồng mà A không trả được nợ, nên B khởi kiện ra Toà án yêu cầu A phải trả nợ, nếu không trả được khoản nợ 2.000.000 đồng thì phải phát mại máy khâu đã cầm cố để B thu hồi cả hai khoản nợ là 3.000.000 đồng và số tiền lãi của 3.000.000 đồng từ tháng 5 năm 1996 là $3.000.000 \text{ đồng} \times 1,2\% \times 4 = 144.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng số tiền mà B yêu cầu A phải trả là 3.144.000 đồng. Nội dung và hình thức của hai hợp đồng vay nợ có cầm cố tài sản giữa A và B đều phù hợp với nội dung hợp đồng vay nợ được quy định tại các Điều từ 467 đến 475 và cầm cố tài sản được quy định

tại các Điều từ 329 đến 343 Bộ luật dân sự; do đó, khi giải quyết tranh chấp này phải áp dụng các quy định tương ứng được quy định tại các điều nói trên của Bộ luật dân sự, chứ không áp dụng các quy định của Pháp lệnh Hợp đồng dân sự (văn bản pháp luật có hiệu lực vào thời điểm A và B xác lập hợp đồng vay nợ).

Để áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự trong các trường hợp tương tự, cần chú ý xác định là giao dịch dân sự đó phải có nội dung và hình thức hoàn toàn phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự; nếu không hoàn toàn phù hợp thì không áp dụng.

b) Điểm c khoản 3 Nghị quyết quy định là đối với các giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự có hiệu lực và phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm xác lập mà nay vi phạm điều cấm hoặc trái với đạo đức xã hội theo quy định của Bộ luật dân sự, thì các bên phải tự huỷ bỏ giao dịch dân sự đó; nếu các bên không tự huỷ bỏ thì bị coi là vô hiệu. Như vậy, khi giải quyết các tranh chấp dân sự nói chung, cần chú ý xem các giao dịch dân sự đó có vi phạm điều cấm hoặc trái với đạo đức xã hội theo quy định của Bộ luật dân sự hay không? Nếu có vi phạm điều cấm hoặc trái đạo đức xã hội theo quy định của Bộ luật dân sự thì tuyên bố huỷ bỏ giao dịch đó.

Ví dụ: Anh K là người mắc bệnh tâm thần không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình (mất năng lực hành vi dân sự). Chị D là vợ của anh K có đủ năng lực hành vi dân sự và điều kiện làm người giám hộ, song do tư tưởng phong kiến, lạc hậu, gia đình anh K không để chị D làm người giám hộ cho anh K mà cử anh M (anh ruột của anh K) làm người giám hộ từ tháng 6-1995. Do pháp luật có hiệu lực trước ngày 1/7/1996 không quy định về người giám hộ đương nhiên của người mất năng lực hành vi dân sự, do đó, việc gia đình anh K cử anh M làm người giám hộ cho anh K là phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm cử giám hộ (tháng 6/1995). Tháng 5/1996 có tranh chấp thừa kế giữa anh em của anh K tại Toà án, Toà án đã thụ lý vụ án để giải quyết vấn đề anh M đại diện cho anh K tham gia tố tụng, vì cho rằng quyền lợi của anh K và anh M không mâu thuẫn với nhau. Giả sử vụ án chia thừa kế chưa được giải quyết xong, thì từ ngày 1/7/1996 Toà án phải căn cứ vào Điều 71 Bộ luật dân sự để huỷ việc cử anh M là người giám hộ của anh K và yêu cầu chị D làm người giám hộ của anh K nếu chị D có đủ điều kiện và chị D phải đại diện cho anh K tham gia tố tụng trong vụ án chia thừa kế đó.

Khi tuyên bố huỷ các giao dịch loại này cần lưu ý rằng Toà án không giải quyết lại những phần giao dịch đã thực hiện xong trước ngày 1/7/1996. Trong trường hợp có tranh chấp về nghĩa vụ phát sinh từ việc thực hiện giao dịch đó trước ngày 1/7/1996 thì áp dụng quy định của pháp luật có hiệu lực trước ngày 1/7/1996 để giải quyết, đối với phần giao dịch chưa thực hiện hoặc thực hiện từ ngày 1/7/1996 thì áp dụng quy định tại Điều 146 Bộ luật dân sự để giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu.

c) Theo quy định tại khoản 5 Nghị quyết thì những quy định của Bộ luật dân sự về chuyển quyền sử dụng đất có hiệu lực áp dụng kể từ ngày Luật đất đai năm 1993 có hiệu lực. Luật đất đai này có hiệu lực từ ngày 15/10/1993. Như vậy, khi có tranh chấp phát sinh từ việc chuyển quyền sử dụng đất, thì cần xác định thời điểm xác lập việc chuyển quyền sử dụng đất đó, nếu việc chuyển quyền sử dụng đất được xác lập từ ngày 15/10/1993, thì áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự để giải quyết.

Khi giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thế chấp quyền sử dụng đất xác lập trong giai đoạn từ 15/10/1993 đến hết 30/6/1996 cần chú ý là thời hiệu khởi kiện đối với những tranh chấp này là ba năm kể từ ngày có vi phạm theo quy định tại Điều 56 Pháp lệnh Hợp đồng dân sự.

Ví dụ: Ngày 25/12/1993 A thuê đất của B. Ngày 20/2/1994 A vi phạm hợp đồng do không trả tiền thuê đất. Vì hai bên lập hợp đồng thuê đất theo quy định của Pháp lệnh Hợp đồng dân sự, do đó, B có quyền kiện A trong thời hạn là 3 năm (từ ngày 20/2/1994 đến ngày 20/2/1997) và sau ngày 20/2/1997 B không còn quyền kiện A nữa.

II. ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA CÁC VĂN BẢN CÓ HIỆU LỰC TRƯỚC NGÀY 1/7/1996 ĐỂ GIẢI QUYẾT CÁC TRANH CHẤP DÂN SỰ

Theo quy định tại khoản 2 Nghị quyết thì Pháp lệnh Hợp đồng dân sự ngày 29/4/1991, Pháp lệnh nhà ở ngày 26/3/1991, Pháp lệnh thừa kế ngày 30/8/1990, Pháp lệnh bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp ngày 28/1/1989, Pháp lệnh bảo hộ quyền tác giả ngày 2/12/1994, Pháp lệnh chuyển giao công nghệ nước ngoài vào Việt Nam ngày 2/12/1994 hết hiệu lực kể từ ngày 1/7/1996.